

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hảo Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm;

2. Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 797/2017/ST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số XX (số cũ X/XB), đường T, khu phố H.L, phường H.N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Công B**, sinh năm 1983; địa chỉ: Số X/X, ấp P, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2017, lời trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường H.N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, đem tài sản trong gia đình đi cầm cố, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung Bùi Thị A. T, sinh ngày 15/11/2010 và Bùi Nhật T, sinh ngày 10/01/2012, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại vợ chồng.

*** *Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 22/01/2018 bị đơn anh Bùi Công B trình bày:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống, anh thừa nhận mình có ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, đem tài sản trong gia đình đi cầm cố, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý do không thể hàn gắn được nữa.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị H trình bày, hiện 02 cháu đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Trung, giao cháu Thu cho chị H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị H và anh B tự nguyện chung sống từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường H.N, thành phố Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 phát sinh mâu thuẫn, anh B có cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, hai người sống ly thân từ tháng 11/2015 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn chị H yêu cầu ly hôn với anh B nên căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị H là phù hợp.

Về con chung: Chị H và anh B có 02 người tên Bùi Thị A. T, sinh ngày 15/11/2010 và Bùi Nhật T, sinh ngày 10/01/2012, hiện đang sinh sống ổn định cùng chị H ngoài ra, xét chị H có điều kiện chăm sóc cả 02 con chung tốt hơn nên căn cứ Điều 81,

Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Bùi Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Bùi Công B tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2010, hôn nhân là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H cho rằng do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và anh B cờ bạc gây nợ nần, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2017 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B thừa nhận có cờ bạc, làm ăn thua lỗ và đem tài sản trong gia đình đi cầm cố, nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau về kinh tế gia đình. Chị H yêu cầu ly hôn anh B cũng đồng ý do không thể hàn gắn được nữa. Tuy nhiên, do anh B vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Bùi Thị A. T, sinh ngày 15/11/2010 và Bùi Nhật T, sinh ngày 10/01/2012, hiện cả 02 cháu đang sống cùng chị H.

Cháu A. T có nguyện vọng sống cùng chị H và anh chị đều thống nhất giao cháu A. T cho chị H nuôi dưỡng nên ghi nhận.

Chị H và anh B đều yêu cầu được nuôi cháu T, xét thấy cháu T đang sinh sống ổn định cùng với chị H mặt khác, trong thời gian ly thân anh B không thăm nom, chăm sóc các con ngoài ra, chị H có điều kiện chăm sóc cháu T tốt hơn nên căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là hợp lý.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H và anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H đối với anh Bùi Công B. Giữa chị H và anh B không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị A. T, sinh ngày 15/11/2010 và Bùi Nhật T, sinh ngày 10/01/2012.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004842 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát